

Bản án số: 74/2018/HSST

Ngày: 16 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Thùy Châu
2. Bà Phạm Thị Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hoàng Thu Thủy là Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2018/HSST ngày 18 tháng 6 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Hồng Đ; sinh năm 1989 tại TP. QN, tỉnh Bình Định; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: 206/8 DH, phường NM, Tp. QN, Bình Định; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên công ty TNHH MTV ATP; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Đăng P, sinh năm 1956 và bà Lương Thị H, sinh năm 1964; Vợ: Lê Thị Ái N, sinh năm 1991, có 01 con 01 tháng tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Thanh L; tên thường gọi: N; sinh năm 1993 tại TP. QN, tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: T18, KV5, phường LTK, Tp. QN, tỉnh Bình Định; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trần Thanh D, sinh năm: 1969; con bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1970, vợ: Trần Thanh A, sinh năm: 1995, có 01 con 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- Bị hại:

Công ty TNHH Một thành viên ATP

Địa chỉ: 592 THĐ, P. TN, TP. QN, Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng P – Giám đốc công ty; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị Ái N, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Trú tại: 206/8 DH, P. NM, TP. QN, Bình Định.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1980 (có mặt)

Trú tại: 32 LVT, P. GR, TP. QN, Bình Định.

3. Anh Đặng Xuân P, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

Trú tại: 37 LDC, TP. QN, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2017 bị cáo Nguyễn Hồng Đ mượn tiền của bị cáo Trần Thanh L 75.000.000 đồng, đến kỳ hẹn trả nợ nhưng Đ không có tiền. Biết vào dịp cận tết nguyên đán hàng năm Đ luôn được ông Nguyễn Đăng P là Giám đốc công ty TNHH MTV ATP, cũng là cha của bị cáo giao nhiệm vụ đi rút tiền tại ngân hàng Agribank về phát lương, thưởng cho nhân viên công ty (Đ là nhân viên của Công ty) nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này để trả nợ cho bị cáo L.

Để thực hiện ý định, sáng ngày 12/02/2018, Đ hẹn gặp L tại quán cà phê ở ngã tư PNT-HHT, nói cho L biết trong thời gian cận tết nguyên đán Đ sẽ được ông P giao cho nhiệm vụ đi rút tiền của công ty TNHH MTV ATP và nói bị cáo L đợi sẵn tại ngã ba THĐ-ĐDT để khi Đ rút tiền từ phòng giao dịch của ngân hàng Agribank tại số 234 THĐ, TP. QN ra thì dàn cảnh Đ bị L giật túi tiền rồi đập xe Đ ngã hoặc L đập ngã xe Đ rồi giật túi tiền, L nghe vậy không đồng ý nên bỏ về. Đến trưa cùng ngày, Đ gặp L và nói khi Đ rút tiền ra khỏi ngân hàng thì L chỉ cần đi ngang qua Đ, Đ sẽ đưa tiền cho L chạy đi còn việc dàn cảnh bị cướp như thế nào thì Đ sẽ tự thu xếp, L đồng ý. Khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, ông P ký séc và giao cho Đ đến ngân hàng Agribank số 234 THĐ, TP. QN rút 111.500.000 đồng. Đ điện thoại báo cho L đến ngã ba ĐDT-THĐ, TP. QN chờ sẵn. L mượn xe mô tô Airblade 77L1-345.58 của Đặng Xuân P (do cha P là Đặng Xuân T làm chủ sở hữu) và rủ P cùng đi lấy tiền nợ với L. L chở P đến chỗ hẹn chờ. Sau khi rút được tiền, Đ gọi lại cho L báo đã rút được số tiền 111.500.000 đồng, nói L khi nhận tiền từ Đ thì L lấy 75.000.000 đồng (tiền nợ) còn số tiền còn lại giữ dùm, Đ sẽ đến lấy sau, L đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô 77L1-454.15 cầm túi đựng tiền bên tay trái đi chậm đến ngã ba ĐDT-THĐ, TP. QN. L thấy xe Đ thì chạy theo, đi song song với Đ rồi nhận lấy túi tiền do Đ đưa, sau đó bỏ đi. Còn Đ tự thả xe ngã để tạo hiện trường giả bị cướp giật tiền. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho vợ là Lê Thị Ái N (kế toán công ty TNHH

MTV ATP) nói dối bị cướp giật và báo N thông báo với công ty biết rồi Đ đến Công an P.THĐ báo bị cướp giật số tiền 111.500.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Đ và L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đã tạm giữ 111.500.000 đồng và đã trả lại cho ông Nguyễn Đăng P là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV ATP. Ông P không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 71/QĐ- VKSQN ngày 18/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn đã truy tố Nguyễn Hồng Đ, Trần Thanh L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Hồng Đ, Trần Thanh L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đ từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thanh L từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách.

Các bị cáo không tự bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Cả hai bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Nguyễn Hồng Đ và Trần Thanh L là người có đầy đủ lý trí, ý chí để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của người khác đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh. Nhưng do có ý thức xem thường

pháp luật nên vào ngày 12/02/2018 các bị cáo đã cùng nhau thực hiện ý định của bị cáo Đ là dựng hiện trường giả về tội cướp giật tài sản, chiếm đoạt số tiền 111.500.000 đồng mà bị cáo Đ có trách nhiệm rút tiền về giao lại cho Công ty TNHH MTV ATP. Mặc dù bị cáo Trần Thanh L không có ý thức chiếm đoạt tiền của Công ty ATP nhưng bị cáo biết tiền bị cáo Đ trả cho bị cáo là chiếm đoạt của công ty ATP, theo ý định của bị cáo Đ là dàn cảnh bị cướp giật, bị cáo L không can ngăn mà đã đồng ý theo ý định của bị cáo Đ nên bị cáo đến địa điểm đã hẹn trước với bị cáo Đ chờ khi bị cáo Đ mang tiền ra khỏi ngân hàng, bị cáo điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Đăng P đi theo sau, khi đến gần xe bị cáo Đ thì bị cáo là người lấy bạch tiền từ tay bị cáo Đ rồi bỏ đi, bị cáo phạm tội với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Đ nên Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố các bị cáo Nguyễn Hồng Đ, Trần Thanh L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Tài sản chiếm đoạt có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của Công ty TNHH MTV ATP, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương.

Vụ án có 02 bị cáo tham gia nhưng với tính chất là đồng phạm giản đơn. Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Bị cáo Đ là người khởi sự, rủ rê bị cáo L tham gia và là người thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo có vai trò chính trong vụ án nên hình phạt phải cao hơn bị cáo L. Đối với bị cáo Trần Thanh L đã có hành vi giúp cho bị cáo Đ trong việc chiếm đoạt tiền nên bị cáo là đồng phạm với vai trò là người giúp sức, vì vậy cần xử phạt bị cáo với một mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, người đại diện hợp pháp của bị hại, là cha ruột của bị cáo Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo Đ và L được hưởng án treo, bị cáo L đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho Công ty TNHH MTV ATP, các bị cáo phạm tội lần đầu nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, xét thấy tiền bị cáo Đ chiếm đoạt tuy là của công ty ATP nhưng là công ty một thành viên nên tiền đó cũng được xem là tiền của cha bị cáo, đồng thời, các bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần phải bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo tốt nên HĐXX xử các bị cáo hình phạt tù có điều kiện cũng

không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Anh Nguyễn Đăng P cho bị cáo Trần Thanh L mượn xe mô tô 77L1-345.58 (xe của cha P là ông Đặng Xuân T) và cùng bị cáo L đi lấy tiền từ bị cáo Đ nhưng anh P không biết việc bị cáo L cùng bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội nên không xử lý là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ, bị cáo L khai Cơ quan Công an có thu giữ của bị cáo Đ một điện thoại di động Iphone 7, của bị cáo L 01 điện thoại di động Iphone 6 nhưng không lập biên bản. Các bị cáo không yêu cầu HĐXX giải quyết mà các bị cáo tự liên hệ với Cơ quan Công an để nhận lại. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Bồi thường thiệt hại:

Công ty TNHH MTV ATP đã nhận lại số tiền bị các bị cáo chiếm đoạt, ông Nguyễn Đăng P là người đại diện theo pháp luật của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[4] Về án phí:

Các bị cáo bị kết án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hồng Đ, Trần Thanh L đều phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đ 30 (ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/8/2018).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường NM, TP. QN, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thanh L 24 (hai mươi

bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/8/2018).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường LTK, TP. QN, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Quốc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tình Đoàn Thị Thùy Châu

Trương Quốc Dũng

